

Số: **642/2025/QĐST-DS**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 9 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

**V/v: Yêu cầu xác định phần quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản của
người phải thi hành án**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Dương Thị Lan Ngọc.

Thư ký phiên họp: Bà Đỗ Trúc Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4
- Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh tham
gia phiên họp:* Bà Trần Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 07/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2025 về “Yêu cầu xác định phần quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản của người phải thi hành án” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 14/2025/QĐST-VDS ngày 20 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2025/QĐST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2025 và Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 19/2025/QĐST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà **Ngô Thị M**, sinh năm 1984;

Địa chỉ: D P, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Địa chỉ theo thông tin cũ: D P, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo ủy quyền của bà M: Ông Trần Quang T, sinh năm 1973 hoặc bà Trần Thị Bích T1, sinh năm 1992.

Địa chỉ: C P, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Địa chỉ theo thông tin cũ: C P, Phường G, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh).

(Đại diện theo Giấy ủy quyền số công chứng 000546, quyền số 02/2025 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/02/2025 tại Văn phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh).

(Ông T và bà T1 có đơn xin vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Nguyễn Thị Tuyết H**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: 2 (số cũ 200/38/9) P, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Địa chỉ theo thông tin cũ: 266/36/9 (số cũ 200/38/9) P, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh).

(Bà H vắng mặt).

2. Bà **Nguyễn Thị Yến S**, sinh năm 1960.

Địa chỉ: 8 (số C) L, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Địa chỉ theo thông tin cũ: 817/21 (số cũ A) L, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh).

(Bà S vắng mặt).

3. Bà **Nguyễn Thị Tuyết N** (chết năm 2015).

4. Bà **Nguyễn Thị Tuyết N1**, sinh năm 1965.

Địa chỉ: 1 Đường số E, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ theo thông tin cũ: 175/5 Đường số E, Phường G, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà N1 vắng mặt).

5. Ông **Nguyễn Đình H1**, sinh năm 1967.

Địa chỉ: 8 (số C) L, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ theo thông tin cũ: 817/21 (số cũ A) L, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông H1 vắng mặt).

6. Ông **Nguyễn Đình T2**, sinh năm 1960

Địa chỉ: 8 (số C) L, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ theo thông tin cũ: 817/21 (số cũ A) L, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông T2 vắng mặt).

7. Bà **Nguyễn Thị Tuyết P**, sinh năm 1963;

Địa chỉ: 2 (số C) P, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Địa chỉ theo thông tin cũ: 266/36/9 (số cũ 200/38/9) P, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh).

(Bà P vắng mặt).

8. Bà **Nguyễn Thị Yến H2**, sinh năm 1958;

Địa chỉ: 2 (số C) P, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Địa chỉ theo thông tin cũ: 266/36/9 (số cũ 200/38/9) P, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh).

(Bà H2 vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và quá trình giải quyết việc dân sự, người yêu cầu giải quyết việc dân sự bà Ngô Thị M và người đại diện theo ủy quyền của bà M là ông Trần Quang T và bà Trần Thị Bích T1 thống nhất ý kiến trình bày:

Vào năm 2015, bà Ngô Thị M có cho bà Nguyễn Thị Tuyết H vay số tiền là 960.000.000 (Chín trăm sáu mươi triệu) đồng. Đến hạn trả nợ, bà H không trả cả nợ gốc và lãi cho bà M.

Ngày 31/5/2016, bà Ngô Thị M có nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh) yêu cầu bà H trả tiền lại cho bà M theo Thông báo thụ lý vụ án số 208/2016/TLST-DS ngày 14/6/2016. Sau đó, Tòa án tuyên bà Nguyễn Thị Tuyết H phải trả lại cho bà M số tiền là 990.720.000 (Chín trăm chín mươi triệu bảy trăm hai mươi nghìn) đồng, trong đó tiền gốc là 960.000.000 đồng và tiền lãi là 30.720.000 đồng theo Bản án số 103/2017/DSST ngày 13/4/2017 Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh).

Sau đó, bà M nộp hồ sơ yêu cầu thi hành án ở Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh). Ngày 08/7/2019, Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh) có Thông báo về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản phải thi hành án số 2645/TB-CCTHADS và hướng dẫn bà M nộp đơn ra Tòa để xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của bà H trong khối tài sản chung là nhà đất số H L, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ những trình bày vừa nêu trên, bà M làm đơn yêu cầu xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Tuyết H trong nhà đất tại địa chỉ số: 8 L, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 8 L, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận số 70127192046, hồ sơ gốc số: 387/2004/P 10, thửa số 42, tờ bản đồ số 35 (BĐĐC), diện tích: 58,2m², tọa lạc tại số H L, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 8 L, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) do UBND quận T cấp cho bà Nguyễn Thị Yến S ngày 24/03/2004 là đại diện thừa kế của ông Nguyễn Đình L (chết năm 1985) và bà Lê Thị B (chết năm 1980) (theo Phụ lục Đăng ký nhà-đất ngày 03/08/1999, các đồng sở hữu gồm: Nguyễn Thị Yến S, Nguyễn Thị Tuyết N,

Nguyễn Thị Tuyết N1, Nguyễn Thị Tuyết H, Nguyễn Đình H1, Nguyễn Đình T2).

Chi phí xem xét thẩm định tài sản là căn nhà số H L, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 8 L, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) do người yêu cầu bà Ngô Thị M tự nguyện đóng tạm ứng, đã thực hiện xong và bà M tự nguyện chịu chi phí này.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 29/8/2025 và trong quá trình giải quyết việc dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tuyết H trình bày:

Bà Nguyễn Thị Tuyết H xác nhận có nợ bà Ngô Thị M số tiền chưa thi hành theo Bản án số 103/2017/DSST ngày 13/4/2017 như bà M đã trình bày nhưng bà đang gặp khó khăn nên chưa có điều kiện thanh toán cho bà M.

Căn nhà số H L, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 8 L, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận số 70127192046, hồ sơ gốc số 387/2004/P10, thửa số 42, tờ bản đồ số 35 (BĐĐC), diện tích 58,2 m² được Ủy ban nhân dân quận T cấp ngày 24/03/2004 cho bà Nguyễn Thị Yến S là đại diện thừa kế của ông Nguyễn Đình L (chết năm 1985) và bà Lê Thị B (chết năm 1980). Đây là tài sản do cha mẹ bà H là ông Nguyễn Đình L và bà Lê Thị B chết để lại, hiện tại anh chị em bà đang sinh sống ở đây.

Khi cha mẹ bà H còn sống, cha mẹ bà có tổng 08 người con chung, bao gồm: Bà Nguyễn Thị Yến H2, bà Nguyễn Thị Yến S, bà Nguyễn Thị Tuyết N, bà Nguyễn Thị Tuyết P, bà Nguyễn Thị Tuyết N1, ông Nguyễn Đình H1, bà Nguyễn Thị Tuyết H, ông Nguyễn Đình T2. Ngoài ra, khi còn sống cha mẹ bà H không có con riêng hay con nuôi nào khác.

Đối với khoản nợ của bà Ngô Thị M, bà xác nhận và đồng ý trả như sau: Ngày 15/6/2025, bà sẽ trả cho bà M số tiền 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng và hàng tháng bà sẽ trả cho bà M số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng cho đến khi hết nợ. Gia đình bà đang khó khăn, mong rằng bà M sẽ hiểu và thông cảm, rút đơn để bà có cơ hội xoay tiền để trả cho bà M đúng thời hạn đã cam kết.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Yến S, ông Nguyễn Đình T2: Bà S và ông T2 đã có mặt tại buổi làm việc ngày 11/02/2025 nhưng không đồng ý nộp bản tự khai, trình bày ý kiến và cho Tòa ghi nhận ý kiến.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tuyết N1, bà Nguyễn Thị Tuyết N, ông Nguyễn Đình H1, bà Nguyễn Thị Tuyết P và bà Nguyễn Thị Yến H2: đều vắng mặt không có lý do chính đáng dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên họp sơ thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu bà Ngô Thị M là ông Trần Quang T hoặc bà Trần Thị Bích T1: Ông T, bà T1 có đơn xin vắng mặt tại phiên họp và ông bà vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày trong đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và bản tự khai.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tuyết H, bà Nguyễn Thị Yến S, ông Nguyễn Đình T2, bà Nguyễn Thị Tuyết N1, bà Nguyễn Thị Tuyết N, ông Nguyễn Đình H1, bà Nguyễn Thị Tuyết P và bà Nguyễn Thị Yến H2: đều vắng mặt không có lý do chính đáng dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ nên không có ý kiến trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp phát biểu ý kiến:

Về hình thức: Qua kiểm sát việc giải quyết việc dân sự nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 41 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên họp, Hội đồng giải quyết việc dân sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên họp giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

Về nội dung: Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, Viện kiểm sát đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Ngô Thị M về xác định phân quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản của người phải thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về quan hệ dân sự, thẩm quyền và thời hiệu giải quyết việc dân sự:

Người có yêu cầu giải quyết việc dân sự bà Ngô Thị M là người được thi hành án theo Bản án số 103/2017/DSST ngày 13/4/2017 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh) và Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 1626/QĐ-CCTHADS ngày 24/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Thông báo số 2645/TB-CCTHADS ngày 08/7/2019 về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh) thì ngày 16/01/2019, Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình có thông báo số 840/TB-CC-THADS về việc yêu cầu người phải thi hành án là bà Nguyễn Thị Tuyết H và những người có tranh chấp đến nhà và đất số H L, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 8 L, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) có quyền thỏa thuận chia tài sản chung, khởi kiện tại Tòa án hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp đối với tài sản trên. Tuy nhiên đã quá thời hạn thông báo nhưng bà H và những người có tên trong thông báo số 840/TB-CC-THADS không thực hiện. Do đó,

bà Ngô Thị M đã khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định phần sở hữu, sử dụng đối với tài sản của người phải thi hành án là bà Nguyễn Thị Tuyết H trong khối tài sản chung do cha mẹ bà H chết để lại để thi hành án. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 7, Điều 74 Luật thi hành án dân sự 2014, khoản 9 Điều 27 Bộ luật Tố tụng dân sự thì bà Ngô Thị M có quyền yêu cầu Tòa án xác định quyền sở hữu tài sản của ông Nguyễn Thị Tuyết H trong khối tài sản chung của ba mẹ bà H là ông Nguyễn Đình L và bà Lê Thị B chết để lại, đây là việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 9 Điều 27 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do tài sản liên quan đến việc thi hành án là nhà và đất tọa lạc tại 8 L, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 8 L, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết việc dân sự là Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh) theo quy định tại điểm n khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngoài ra, căn cứ theo Thông báo 2645/TB-CCTHADS ngày 08/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, bà Ngô Thị M đã nộp đơn khởi kiện vụ án dân sự, đóng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2018/0038847 ngày 24 tháng 7 năm 2019 và Tòa án đã tiến hành thụ lý vụ án dân sự sơ thẩm số 408/2019/TLST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2019 về việc “Tranh chấp xác định phần quyền sở hữu, sử dụng tài sản của người phải thi hành án trong khối tài sản chung để thi hành án”. Sau đó, Tòa án đã xác định quan hệ dân sự trên là việc dân sự nên bà Ngô Thị M đã rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện và Tòa án đã phát hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 40/2025/QĐST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2025.

Ngày 23 tháng 12 năm 2024, bà Ngô Thị M đã nộp đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và Tòa án tiến hành thụ lý hồ sơ dân sự sơ thẩm số 07/2025/TLST-VDS ngày 06 tháng 01 năm 2025 về việc “Yêu cầu xác định phần quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản của người phải thi hành án”. Do đó, việc bà M yêu cầu xác định phần quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản của người phải thi hành án vẫn còn thời hiệu giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị M có đơn xin đề nghị vắng mặt tại tòa đề ngày 28/8/2025.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tuyết H, bà Nguyễn Thị Yến S, bà Nguyễn Thị Tuyết N1, ông Nguyễn Đình H1, ông Nguyễn Đình T2, bà Nguyễn Thị Tuyết P, bà Nguyễn Thị Yến H2 dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc dân sự vắng mặt người yêu cầu và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên.

[3] Về nội dung:

[3.1.] Căn cứ Bản án số 103/2017/DSST ngày 13/4/2017 Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh) thì bà Nguyễn Thị Tuyết H có nghĩa vụ trả nợ một lần toàn bộ số tiền cho bà Ngô Thị M là 990.720.000 (Chín trăm chín mươi triệu bảy trăm hai mươi nghìn) đồng, trong đó tiền gốc là 960.000.000 (Chín trăm sáu mươi triệu) đồng và tiền lãi là 30.720.000 (Ba mươi triệu bảy trăm hai mươi nghìn) đồng ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật. Theo Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 1626/QĐ-CCTHADS ngày 24/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh) thì ngoài số tiền nêu trên, bà H còn phải chịu tiền lãi chậm trả hàng tháng theo mức lãi suất cơ bản ngân hàng N2 quy định tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án. Tuy nhiên, đến nay, bà H vẫn chưa thanh toán toàn bộ số tiền nêu trên cho bà M.

Trong quá trình tổ chức thi hành án, Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình (nay là Phòng thi hành án khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh) đã xác định bà H không có tài sản riêng và chỉ có quyền sở hữu chung trong khối tài sản do cha mẹ bà chết để lại là nhà đất số H L, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 8 L, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Căn cứ theo Công văn số 526/CNTB ngày 06/3/2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận T (nay là Chi nhánh Văn phòng Đ) và các tài liệu kèm theo gồm: Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 387/2004/P10, thửa số 42, tờ bản đồ số 35 (BĐĐC), diện tích 58,2 m² được Ủy ban nhân dân quận T cấp ngày 24/03/2004; Giấy xác nhận hộ khẩu gốc NK3a số 100025647 ngày 03/9/2003; Tờ tường trình về nguồn gốc nhà, đất; Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất; Bản vẽ số nhà 1758, Tổ D, KP4, đường L, Phường A, quận T; Tờ đăng ký nhà – đất mã số 7012719; Giấy chứng nhận đăng ký nhận khẩu thường trú trong hộ thể hiện nhà và đất tại 817/21 (số cũ A) L, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 8 L, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) có nguồn gốc là tài sản do cha mẹ bà H là ông Nguyễn Đình L và bà Lê Thị B đã chết để lại, sau đó do bà Nguyễn Thị Yến S là đại diện cho các đồng thừa kế kê khai. Theo Giấy chứng nhận đăng ký nhận khẩu thường trú trong hộ kèm theo hồ sơ kê khai di sản thừa kế và Biên bản lấy lời khai của đương sự bà Nguyễn Thị Tuyết H thể hiện rằng nhà và đất tại địa chỉ số H (số C) L, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 8 L, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) là tài sản do ông Nguyễn Đình L (chết năm 1985) và bà Lê Thị B (chết năm 1980) để lại cho các con. Khi còn sống, ông Nguyễn Đình L và bà Lê Thị B có 08 người con gồm bà Nguyễn Thị Yến H2, sinh năm 1958; bà Nguyễn Thị Yến S, sinh năm 1960; bà Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1962 (chết năm 2015); bà Nguyễn Thị Tuyết P, sinh năm 1963; bà Nguyễn Thị Tuyết N1, sinh năm 1964; ông Nguyễn Đình H1, sinh

năm 1967; bà Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 1969 và ông Nguyễn Đình T2, sinh năm 1972.

Như vậy, căn cứ Điều 74 Luật thi hành án dân sự, Điều 158 Bộ luật dân sự năm 2015 có đủ cơ sở xác định phần sở hữu của bà Nguyễn Thị Tuyết H trong khối di sản chung do cha mẹ bà H là ông Nguyễn Đình L và bà Lê Thị B chết để lại là $\frac{1}{8}$ giá trị nhà và đất số 817/21 (số cũ A) L, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 8 L, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

[4] Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Lệ phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do người yêu cầu giải quyết việc dân sự là bà Ngô Thị M phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định.

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ bà Ngô Thị M tự nguyện chịu nên không xem xét giải quyết.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 9 Điều 27, Điều 35, điểm n khoản 2 Điều 39, Điều 361, Điều 366, Điều 367, Điều 369, Điều 370, Điều 371, Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 158, 208, 212, 219 và 650 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 7, Điều 74 Luật thi hành án dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Ngô Thị M:

Xác định bà Ngô Thị M được sở hữu $\frac{1}{8}$ giá trị nhà và đất số 817/21 (số cũ A) L, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 8 L, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự:

Bà Ngô Thị M phải chịu lệ phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003142 ngày 02/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (nay Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Đương sự vắng mặt nên được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSND KV4-TP.HCM;
- Thi hành án dân sự TP.HCM
(nay là Phòng THADS KV4-TP.HCM);
- UBND phường Bảy Hiền, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Dương Thị Lan Ngọc